

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-07- 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Sáu
- Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Huyền T1, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 03 năm 2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Anh T và chị T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/9/2015. Quá trình chung sống, anh T và chị T1 có hai người con chung là cháu Phạm Gia T2, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 08/10/2018. Hiện cháu T2 và cháu Ý đang sống cùng chị T1.

Quá trình chung sống, anh T và chị T1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T1 không chăm lo gia đình, thường xuyên đi chơi, không quan

tâm chồng con, khi chị T1 đi chơi thì gia đình không bao giờ liên lạc được. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành, anh T và chị T1 ly thân khoảng 06 tháng nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh T yêu cầu ly hôn với chị T1. Về con chung: Do hiện nay cháu T2 và cháu Ý đang sống chung với chị T1 và cha mẹ chị T1 (tức là ông bà ngoại của cháu Ý, cháu T2), để ổn định và đảm bảo việc học hành cho hai cháu, anh T giao cháu T2 và cháu Ý cho chị T1 tiếp tục nuôi dạy, anh Thừa tự n cấp dưỡng cho cháu T2 và cháu Ý mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu T2, cháu Ý đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị Huyền T1 không có lời khai trong hồ sơ. Lý do, Tòa án nhiều lần triệu tập chị T1 đến Tòa án làm việc nhưng chị T1 không đến; Tòa án đến nhà lấy lời khai nhưng anh T1 không có nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị T1. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử giao cháu Phạm Gia T2, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 08/10/2018 cho chị T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục. Hiện cháu T2 và cháu Ý đang sống cùng chị T1. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng cho cháu T2 và cháu Ý mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu T2, cháu Ý đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngoài ra, anh T còn phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 14 tháng 3 năm 2024 anh Phạm Văn T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, nuôi con với chị Đỗ Thị Huyền T1. Chị T1 có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng chị T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T1 theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh T và chị T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/9/2015 nên hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Anh T xác định trong thời gian chung sống, giữa anh T và chị T1 thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T1 không chăm lo gia đình, thường xuyên đi chơi, không quan tâm chồng con, khi chị T1 đi chơi thì gia đình không bao giờ liên lạc được. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành, anh T và chị T1 ly thân khoảng 06 tháng nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị T1. Phía chị T1 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không đến Tòa án làm việc nên chị T1 không có lời khai trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai anh T phù hợp với lời khai bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột chị T1. Bà H xác định, giai đoạn đầu khi mới cưới, chị T1 và anh T sống rất hạnh phúc; tuy nhiên, khoảng hơn 01 năm nay, vợ chồng chị T1 và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng. Bà H nhiều lần khuyên hai vợ chồng chị T1 và anh T nhưng không hiệu quả. Hiện tại hai vợ chồng chị T1 và anh T đã ly thân, chị T1 đi làm thỉnh thoảng có về thăm con. Bản thân anh T rất có trách nhiệm với con, tháng nào anh T cũng gửi số tiền 5.000.000 đồng để bà H và chị T1 lo cho cháu Ý và cháu T2 ăn uống, học hành. Chị T1 biết việc anh T nộp đơn ly hôn nhưng chị T1 bận đi làm không về được, chị T1 cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa anh T và chị T1 không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, anh T và chị T1 đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Anh T không còn tình cảm với chị T1, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh T yêu cầu được ly hôn với chị T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị T1

[4]. Về con chung: Anh T và chị T1 chung sống với nhau có 02 người con chung là cháu Phạm Gia T2, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 08/10/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đầy đủ đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Để đảm bảo sự ổn định sinh hoạt, ăn ở, học hành, chăm sóc, nuôi dạy cháu T2 và cháu Ý, do hiện cháu T2 và cháu Ý đang sống cùng chị T1, hơn nữa cháu T2 có nguyện vọng tiếp tục sống với chị T1; từ đó cân ghi nhận ý kiến của anh T là tiếp tục giao cháu Phạm Gia T2, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 08/10/2018 cho chị T1 tiếp tục nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình làm việc tại Tòa án, anh Thừa tự n cấp dưỡng cho cháu T2 và cháu Ý mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh T, sự tự nguyện này không trái pháp luật, đạo đức xã hội và sự tự nguyện này nói lên trách nhiệm của người làm cha đối với các con từ đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T và buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Phạm

Gia T2, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 08/10/2018 mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 17/7/2024 đến khi cháu T2 và cháu Ý đủ 18 tuổi.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định anh T và chị T1 chung sống với nhau không có tạo lập tài sản chung và không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngoài ra, anh T còn phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003972 ngày 25/3/2024, đối trừ số tiền án phí, anh T phải nộp thêm số tiền án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Văn T đối với chị Đỗ Thị Huyền T1. Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn đối với đối với chị Đỗ Thị Huyền T1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia T2, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 08/10/2018 cho chị Đỗ Thị Huyền T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu T2 và cháu Ý đang sống cùng với chị T1.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện và buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phạm Gia T2, sinh ngày 28/10/2015 và cháu Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 08/10/2018 mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 17/7/2024 đến khi cháu T2 và cháu Ý đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, về nợ chung: Anh T xác định về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngoài ra, anh T còn phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003972 ngày 25/3/2024, đối trừ số tiền án phí, anh T còn phải nộp thêm số tiền án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Châu Hưng
Huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi